TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG - SỰ TIẾP CẬN LÝ THUYẾT

TRẦN HỒNG HẠNH

Tri thức "địa phương", "bản địa" hay "truyền thống" thường được những người làm công tác phát triển biết đến và xem xét để tìm kiếm các giải pháp cho các vấn đề về phát triển nông nghiệp và nông thôn. Các giải pháp được đề cập đôi khi không ăn khớp với tri thức của người dân vốn có thể gợi ý những sự lựa chọn tốt hơn cho một dự án phát triển. Như một minh chứng cụ thể cho điều này, nhằm xoá đói giảm nghèo, đảm bảo an toàn lương thực và cải thiện mức sống của người dân, đặc biệt là các dân tộc thiểu số ở các vùng miền núi, nhiều chính sách và dự án phát triển đã được thực hiện tại nhiều nước thuộc thế giới thứ ba. Bên cạnh những thành công đáng kể, nhiều dự án phát triển đã bị thất bại hoặc không đạt hiệu quả cao. Có nhiều nguyên nhân, cả về mặt khách quan lẫn chủ quan của sự việc này; trong đó, việc bỏ qua các tri thức địa phương (TTĐP) của người dân trong thiết kế và thực hiện các dự án phát triển là một trong các nguyên nhân quan trọng.

Theo WCED (1978), hậu quả của việc bỏ qua hoặc nhìn nhận sai lệch TTĐP của cư dân địa phương và sự tham dự của họ vào các dự án nghiên cứu và phát triển khiến cho một số kế hoạch vĩ mô của quốc gia thường thất bại trong quá trình thực hiện và quản lý ở cấp địa phương. Những phát triển dựa trên các kế hoạch được xây dựng mà không có sự tham dự đã gây ra một sức ép lớn về đất đai, nước, rừng và các nguồn tài nguyên khác trên hành tinh của chúng ta. Tình trạng này đã làm tăng sự nghèo đói và suy thoái môi trường (Hoàng Xuân Tý. 1998: 27). Tương tự như vậy, Jamieson, Lê Trọng Cúc, và Rambo (1998) cũng chỉ ra rằng TTĐP thường bị tảng lờ khi xây dựng các dự án phát triển. Những người lập kế hoạch và các kỹ thuật viên có xu hướng tập trung nhiều hơn vào các công nghệ hiện đại, vốn thường được đưa vào từ nơi khác, hơn là các TTĐP, vốn bị coi là "cổ xưa". Các chuyên gia và những người lập kế hoạch thường không bao giờ hỏi ý kiến của người dân địa phương khi lập dự án. Kết quả là một vài dự án đã bị thất bại (chẳng hạn như phát triển việc trồng cây quế ở vùng núi cao của tỉnh Quảng Ngãi, trồng cây hồi ở tỉnh Lạng Sơn, hay trồng cây lúa cho năng suất cao ở một số vùng Tây Nguyên...). May thay, trong những năm gần đây, các kết quả phủ xanh đã được cải thiện do hầu hết đất rừng đã được cấp cho người nông dân - những người biết rõ loại cây bản địa nào nên được trồng trong điều kiện nào (Jamieson, Lê Trọng Cúc, và Rambo. 1998: 14).

Tình trạng tương tự cũng xảy ra ở nhiều nước đang phát triển khác thuộc châu Á và châu Phi. Louise (1996) chỉ ra rằng công nghệ mới và cuộc cách mạng xanh được áp dụng ở nhiều nước đã dẫn đến suy thoái môi trường và kinh tế. Cách tiếp cận khoa học và công nghệ phương Tây không đủ để đáp ứng những quan niệm đa dạng và phức tạp của người dân cũng như các thách thức hiện nay về kinh tế - xã hội, chính trị, và môi trường mà chúng ta đang phải đương đầu (Hoàng Xuân Tý. 1998: 26). Trong một nghiên cứu của Richards tại Tây Phi, ông nhận xét rằng phần lớn các nghiên cứu khoa học về trồng trọt đã được tiến hành tại các vùng ôn đới, và tri thức này đôi khi đã chứng tỏ một sự chỉ dẫn tồi, hoặc lầm đường, về các khó khăn mà những người nông dân ở vùng nhiệt đới phải đối mặt. Các kỹ thuật của người nông dân Tây Phi trong một thời gian dài không được coi trọng. Chúng bị coi là đặc biệt "cổ xưa" và "nguyên thuỷ" vì họ hướng đến việc đồng hành với sự đa dạng tự nhiên, hơn là gạt bỏ sự đa dạng này sang một bên. Theo ông, mỗi vùng có một đặc điểm sinh thái riêng. Vì vậy, không thể áp đặt một cách máy móc các nghiên cứu của vùng này lên một vùng khác có các điều kiện tự nhiên, môi trường và xã hội khác với nó (Richards. 1989: 41-42). Việc quay lại với kinh nghiệm và phương thức sản xuất truyền thống của cư dân ở Bangladesh sau một thời gian dài ứng dụng công nghệ hiện đại và cách mạng xanh là một minh chứng đầy sức thuyết phục về tác động tiêu cực của công nghệ hiện đại phương Tây (xem thêm: Akhter. 2001).

Như vậy, trước khi công nghệ phương Tây được áp dụng ở nhiều nước đang phát triển, cư

dân địa phương đã có các cách riêng để sản xuất lương thực, quản lý cuộc sống thường ngày và bảo vệ môi trường. Việc nhận diện TTĐP và vai trò của nó trong đời sống của người dân vẫn luôn là một chủ đề nghiên cứu của nhân học. Câu hỏi liệu người dân quan niệm thế nào về thế giới và hành động ra sao trong mối liên hệ đến tri thức của họ cũng vì vậy được đặt ra. Cũng trong quá trình nghiên cứu vấn đề này, đã có rất nhiều quan niệm khác nhau về hệ tri thức của người dân, bao gồm tri thức "bản địa", "truyền thống" và "địa phương", và việc sử dụng chồng chéo các khái niệm này. Bài viết này có thể được coi là sự tổng hợp bước đầu các nghiên cứu liên quan đến việc nhận diện hệ thống tri thức của người dân và cách tiếp cận nó trong các nghiên cứu phát triển.

1. Khái niệm tri thức địa phương

Tri thức địa phương được xác định là các hệ thống phân loại nền tảng về mặt trí tuệ lẫn khoa học, và là "sự lôgic của thực tế" (Lévis-Strauss. 1969, 1979); sự hiểu biết thông thường - một khung suy nghĩ đặc biệt và khác nhau qua từng vùng (Geertz. 1975, 1983, 1993); các cách thức suy nghĩ và thực hành một cách lôgic (Evans-Pritchard. 1963); các hệ thống kiến thức và thực hành được phát triển qua các thế hệ, trong sự độc nhất về một lĩnh vực cụ thể tới một nền văn hoá hay một xã hội riêng biệt, và là nền tảng thông tin của một xã hội (Warren, 1989; 1995).

Quan tâm về nông nghiệp và cách thức người dân thực hành nông nghiệp, một số học giả đã xem xét TTĐP chủ yếu dưới khía cạnh của lĩnh vực này. Vì vậy, các khái niệm về TTĐP mà họ đưa ra thường liên quan chặt chẽ đến sản xuất nông nghiệp của người nông dân. Richards định nghĩa TTĐP là một sự ám chỉ về sức mạnh sản xuất của người nông dân trong một bối cảnh nhất định (Richards. 1985). Poltanee nhận xét rằng "sự thực hành và các kiến thức của các nông dân quan hệ chặt chẽ với hệ thống nông nghiệp địa phương, được coi là quý giá, có lý và phù hợp nhất với hoàn cảnh sống của họ...Các kiến thức bản địa của họ đã cung cấp cho họ một sự phong phú về các thông tin vô cùng quý giá và có sức sáng tạo" (Poltanee. 1992). Bên cạnh đó, trong các ấn phẩm mô tả dân tộc học Việt Nam được xuất bản chủ yếu trong những năm 1970 và 1980, TTĐP được nhắc đến như các "phong tục tập quán". Đây cũng là một trong hai sự phân loại chính về TTĐP của Ambler (1996). Theo ông, loại đầu tiên có thể được gọi là "kiến thức về kỹ thuật", và loại thứ hai liên quan đến "luật tục", "phong tục", hoặc "thói quen". Các kiến thức về kỹ thuật của những người sống ở vùng cao liên quan đến các hiểu biết chi tiết về độ ẩm của một địa phương, triển vọng tự nhiên về đất đai, kỹ thuật trồng trọt, sự lựa chọn hạt giống, kiến thức về các loại thực, động vật khác nhau. Trong khi đó, "phong tục" và "thói quen" cũng có thể xác nhận các luật tục, chẳng hạn như nguồn nước nào có thể được sử dụng làm nước tưới cho đất trồng trọt, ai được phép khai thác khu rừng nào, có bao nhiêu con trâu, bò được phép gặm cỏ ở một bãi cỏ tư, và kỹ thuật trồng trọt nào sẽ được chấp nhận (Ambler. 1996: 36-37, 39).

Trong một ý nghĩa hẹp hơn, TTĐP được đề cập đến với tư cách là kiến thức đại chúng và kiến thức dân gian (Brush. 1996: 4), hay một nền văn hoá dân gian (Ngô Đức Thịnh. 1995). Theo tác giả Ngô Đức Thịnh, tri thức dân gian, một tri thức phi trường học là một tổng hoà các kinh nghiệm được loài người tích luỹ qua quá trình hoạt động lâu dài nhằm thích nghi và thay đổi cùng với môi trường tự nhiên và xã hội theo cách có thể đem lại cho họ các lợi ích vật chất và tinh thần. Kho tàng tri thức này đã tồn tại và phát triển không phải qua sự học hỏi sách vở, mà chủ yếu thông qua sự truyền đạt trực tiếp, qua trí nhớ, các thành ngữ, châm ngôn, tục ngữ và thông qua sự tác động qua lại trong lao động hàng ngày và các hoạt động mang tính nghề nghiệp khác của các ngư dân, nông dân, người chăn nuôi và thợ thủ công...(Ngô Đức Thịnh. 1995). Nguyễn Văn Trường cho rằng TTĐP bắt nguồn từ các kinh nghiệm của người dân để cố gắng sinh tồn trong một hệ thống sinh thái không bền vững, buộc phải sửa đổi và phát triển hơn nữa.

Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) cũng đặt tri thức bản địa (TTBĐ) và văn hoá dân gian (VHDG) trong phạm vi trực thuộc của TTĐP và TTĐP được coi là một bộ phận của di sản. Theo WIPO, TTĐP cũng được hiểu là có mối quan hệ gắn gũi với thuật ngữ chung về sự kế thừa, bộc lộ diện mạo của VHDG. Những điều này cũng được

hiểu là các cách thức diễn đạt văn hoá vốn phản ánh các khái niệm văn hoá của một cộng đồng (WIPO. 2000: 26). WIPO đề cập tiếp rằng, các hệ thống kiến thức, bao gồm tất cả các loại kiến thức khoa học, các kiến thức về nông nghiệp, công nghệ và sinh thái, được xác định là một trong các động sản văn hoá - điều này cũng đồng nghĩa với một khía cạnh của di sản văn hoá (2000: 27). Việc coi tri thức là một khía cạnh của văn hoá cũng được tổ chức UNESCO thừa nhận khi tổ chức này nhận diện khái niệm văn hoá.

Khái niệm về TTĐP, TTBĐ hay tri thức truyền thống (TTTT) thường được sử dụng đổi lẫn cho nhau. Trong một nghiên cứu về các khái niệm và vai trò của TTBĐ, Hoàng Xuân Tý đã đồng nhất khái niệm của ba hệ tri thức này (1998: 11). Tuy nhiên, trên thực tế, có chút khác biệt giữa chúng. Trong một nghiên cứu của Mugabe (1998), ông đã chỉ ra sự khác nhau giữa TTBĐ và TTTT. Theo ông, "TTBĐ là tri thức được duy trì và sử dụng bởi một nhóm người dân, những người tự nhận là người bản xứ của một địa phương dựa trên cơ sở kết hợp sự khác nhau về văn hoá và sự chiếm giữ lãnh thổ trước tiên liên quan tới số dân mới di cư đến trong một thời gian gần đây, với sự khác biệt của chính bộ phận này và nền văn hoá có ảnh hưởng lớn. TTTT, mặt khác, là tri thức được duy trì bởi các thành viên của một nền văn hoá khác biệt và/hoặc đôi khi đạt được bằng cách hướng đặc biệt tới nền văn hoá đó và liên quan đến chính nền văn hoá và môi trường địa phương mà nó tồn tại". Ông kết luận rằng "TTBĐ ăn khớp rõ ràng với sự phân loại TTTT, nhưng truyền thống không tự động là bản địa". Vì vậy, TTBĐ đương nhiên là TTTT, nhưng TTTT không nghiễm nhiên là TTBĐ. Do đó, TTTT là tổng hợp tất cả các kiến thức và thực hành, dù là hiện hữu hay tiềm ẩn, được sử dụng để giải quyết các nhân tố kinh tế - xã hội và sinh thái của cuộc sống (Mugabe. 1998: 4). Keyes gợi ý rằng các hệ thống TTBĐ đã tạo ra suy nghĩ thực hành. Suy nghĩ thực hành nghĩa là cách con người phát triển các ý tưởng, quan niệm và quan điểm nhằm thực hiện các hoạt động thường ngày của họ. Chính suy nghĩ thực hành có sự thúc đẩy trong nhu cầu cấp bách của cuộc sống để sản xuất lương thực...(Keyes. 1999: 1-2). Như vậy, để nhận biết thế nào là TTBĐ và TTTT thì đầu tiên phải xác định người sở hữu nguồn tri thức đó là "bản địa" hay "truyền thống". Đây lại là một vấn đề khá phức tạp của các nhà khoa học nghiên cứu về dân cư, dân số và dân tộc. Bên cạnh đó, các tiêu chí, trong đó có các tiêu chí về thời gian, để xác định tính "bản địa" hay "truyền thống", và rộng hơn là "địa phương" cũng cần được đặt ra. Vấn đề cư dân "bản địa", "truyền thống", hay "địa phương" sẽ được đề cập trong phần tiếp sau của bài viết này bàn về mối quan hệ giữa tri thức và người dân.

Trong nỗ lực phân biệt giữa tri thức "bản địa" và "địa phương", Laungaramsri trình bày rằng, TTBĐ thường liên quan đến TTTT. Vì vậy, cô đã không phân biệt rõ ràng giữa TTBĐ và TTTT. Chúng dường như được coi là đồng nghĩa với nhau. Trong khi đó, TTĐP được xác định là tri thức, bao gồm cả kiến thức hiện đại, mà người dân ứng dụng và sau đó thích nghi với thế giới hiện đại của họ. Trong nghiên cứu của cô, TTĐP bao gồm cả các kiến thức chung (thông thường) và những kiến thức riêng bởi nó gồm sự tương tác giữa dạng tri thức "dân tộc" và "hiện đại" (Laungaramsri. 2001: 6-7). Định nghĩa TTĐP của Laungaramsri dường như trùng hợp với định nghĩa TTTT của Correa. Theo Correa, TTTT bao gồm những thông tin về các kiểu loại và các chức năng khác nhau được phát triển trong quá khứ và tiếp tục được cải thiện và thích nghi. Nó có thể được thể hiện dưới dạng thành văn và không thành văn. Nó cũng có thể có giá trị thương mại tuỳ theo triển vọng và tính thông dụng của nó (Correa. 2001: 4). Đặc tính truyền khẩu của loại tri thức này cũng được Agrawal nói đến trong nghiên cứu của ông (1995: 418). Tóm lại, có thể thấy rằng luôn luôn có sự chuyển đổi từ TTBĐ sang TTTT, rồi đến TTĐP.

Tình trạng sử dụng chồng chéo các khái niệm tri thức "bản địa", "truyền thống" hay "địa phương" là khá phổ biến và dễ hiểu. Mugabe, trong nghiên cứu của mình, cũng đề cập đến sự nỗ lực của các nhà nghiên cứu để phân biệt sự khác nhau giữa các hệ tri thức này, nhưng kết quả là vẫn chưa có sự thống nhất về định nghĩa chúng. Ông viết: "đã có rất nhiều nỗ lực khác nhau để xác định quan niệm về TTTT, TTBĐ, và cư dân bản địa, nhưng trong một chừng mực nhất

định thì vẫn chưa có một định nghĩa nào được toàn cầu chấp nhận". Ông cũng nhận thấy, mỗi người đều có một định nghĩa riêng của mình tuỳ thuộc vào sự tin tưởng vào trí tuệ và mối quan tâm nghề nghiệp của chính người đó (Mugabe. 1998). Tán thành những khó khăn và sự khác biệt trong việc định nghĩa các hệ thống tri thức này, WIPO cho rằng "các thuật ngữ là không trung lập, và sự lựa chọn một thuật ngữ là không tuỳ tiện mà cũng không hoàn toàn xác đáng. Sự lựa chọn thuật ngữ có thể được coi như sự gửi đi các thông tin hoặc các đánh giá nào đó, ngay cả khi điều này không có chủ ý" (WIPO. 2002).

Tri thức của người dân khác tri thức chính quy và tri thức chuyên gia vốn được nhận diện là sự tiến bộ và uyên thâm của khoa học, chuyên nghiệp và tri thức của các xã hội phương Tây và phi phương Tây (Brush. 1996: 4). Hoàng Xuân Tý cũng đồng suy nghĩ với Brush. Ông cho rằng tri thức hàn lâm chủ yếu được các nhà khoa học sáng tạo ra, được sách hệ thống hoá và chuyển giao. Trong khi đó, tri thức của các cộng đồng người dân bản xứ được tạo dựng trực tiếp từ quá trình lao động của cư dân. Nó dần dần được hoàn thiện và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua sự truyền miệng trong gia đình, làng xóm hoặc thông qua tục ngữ, sử thi và các luật tục...(Hoàng Xuân Tý. 1998: 12). Có người còn cho rằng, nó hình thành qua sự "dò dẫm trong đêm tối", chứ không qua sự trải nghiệm có hệ thống (Lê Trọng Cúc. 1995: 20; 1996: 27), hoặc thông qua sự mã hoá của ngôn ngữ nói (chứ không phải thành ngôn ngữ văn bản và sử dụng bộ máy giác quan (đặc biệt là dạng hình) (Elwert và Séhouéto. 1999: 238).

Trong các tài liệu, tri thức của người dân nông thôn (hay TTĐP) được suy xét theo ba cách tương phản. Thứ nhất, tri thức này bị coi là "lạc hậu", "phi khoa học", và "sai"... Nghiên cứu chính quy và lớp đại học mở rộng[1] nên "đào tạo", "hướng dẫn" và thay đổi các chiến lược sản xuất và nguồn sống của người dân vùng nông thôn, nhằm "phát triển" và "hiện đại hoá" họ. Thứ hai, tri thức này là một nguồn quý giá và ít được sử dụng, cần được nghiên cứu sâu và rộng, và "kết hợp chặt chẽ với nghiên cứu chính quy và sự thực hiện lớp mở rộng nhằm làm cho các chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn "bền vững" hơn. Thứ ba, tri thức này không phải là khoa học phương Tây - vốn được xem là "các phần cốt" hay "những thân chính" duy nhất của tri thức. Thay vào đó, chúng đại diện cho các khoa học luận đa chiều tương phản, được sản sinh trong các khung cảnh sinh thái - nông nghiệp, văn hoá - xã hội, kinh tế - chính trị cụ thể. Sự tương tác của tri thức của người nông dân nông thôn khiến cho nghiên cứu hiện thời và thực hành mở rộng buộc phải chỉ ra các vấn đề cơ bản về năng lực và nhu cầu trong phát triển (Scoones và Thompson. 1994: 17-18).

Hiển nhiên là tri thức của người dân địa phương hoặc cư dân truyền thống hay cư dân bản địa có một vài hạn chế. Hội thảo IDS[2] (1989: 37) đã tập hợp các hạn chế của TTBĐ trong một mô tả dưới đây:

- TTBĐ và khả năng đổi mới được phân bổ không đồng đều trong các cộng đồng.

- Khả năng tạo ra, thực hiện và trao truyền TTBĐ của các cá nhân rất khác nhau.

- Các nhóm xã hội và sự phân tầng về kinh tế tác động đến loại hình và quy mô của TTBĐ trong các xã hội nông thôn (chẳng hạn, nhìn chung các cá nhân giàu có hơn có thể đổi mới nhiều hơn, những người nghèo hơn thì buộc phải đổi mới bởi nghèo đói (Swift. 1979).

- Việc chuyển tải và sử dụng thông tin đôi khi bị cưỡng ép và mắc lỗi nghiêng về nơi mà nó buộc phải được lưu hành bằng lời và được những người đứng đầu việc thực hành lưu giữ lại.

- Nơi phát huy sự mở mang kiến thức từ TTBĐ "thuần tuý" đã bị hạn chế bởi những thứ có thể được thực hiện bằng tiền vốn kỹ thuật chung, các nguồn nguyên liệu và gen của địa phương, cộng thêm tất cả những gì chợt nảy sinh.

- Nhiều khả năng về gen không được tận dụng trong hệ thống không chính thức, chẳng hạn như sự lai tạo giống cây trồng tự thụ phấn ở những nơi cần đến các kỹ thuật gây giống cây trồng đặc biệt.

[1] Cũng có thể bao gồm các khoá học buổi tối.

[2] IDS: Viện Nghiên cứu Phát triển, Đại học Sussex, Brighton, East Sussex, BN1 9RE, Anh.

- Cuối cùng là TTBĐ có thể bị phá vỡ khi người dân phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng về môi trường hoặc sự can thiệp bên ngoài (Farrington và Martin. 1987).

Ngoài ra, những hạn chế khác của TTBĐ cũng được Hoàng Xuân Tý (1998) đề cập đến trong các nghiên cứu của ông về hệ thống tri thức này. Theo ông, một hạn chế khác của TTBĐ là: do đặc tính địa phương của TTBĐ cao nên khó phổ biến một cách rộng rãi TTBĐ của vùng này sang vùng khác. Đồng suy nghĩ về hạn chế cuối cùng của TTBĐ mà hội thảo IDS đưa ra, ông cho rằng nhiều TTBĐ không còn phù hợp với tình hình xã hội hiện thời và môi trường thay đổi hiện nay (Hoàng Xuân Tý. 1998: 25). Có lẽ vì vậy mà tri thức của người dân luôn luôn động, chuyển đổi và thích nghi với điều kiện môi trường và xã hội thay đổi. Để rồi dần dần, trong quá trình tiếp xúc với các nguồn tri thức khác từ bên ngoài vào, TTBĐ đã phát triển thành TTTT, và xa hơn nữa là TTĐP.

Sự mâu thuẫn giữa hai hệ tri thức "địa phương" và "hiện đại", không ngăn cản tính lỏng lẻo và thẩm thấu của ranh giới tri thức và văn hoá bởi vì cả hai hệ tri thức này đều chứa đựng các phần có thể chấp nhận được của một hệ thống khác. Vì vậy, TTĐP với tư cách là sự hiểu biết thông thường được xem như một hệ thống văn hoá (Geertz. 1983), hoặc các nền văn hoá truyền thống (Lê Trọng Cúc. 1996: 21). Tương tự như vậy, Trần Bình cũng chỉ ra rằng tri thức về các hoạt động kinh tế được coi như một phần của các hệ thống văn hoá của các dân tộc. Do sống ở các môi trường địa phương khác nhau nên mỗi dân tộc có ứng xử riêng để tồn tại và phát triển. Thậm chí, mặc dù họ chia sẻ cùng một môi trường sống nhưng mỗi dân tộc lại có cách nghĩ và hành động riêng (Trần Bình. 2001: 6).

Chính nhờ việc coi TTBĐ là tri thức văn hoá nên các TTBĐ về khía cạnh kỹ thuật đã trở thành các tri thức của người dân nông thôn (hay TTĐP). Theo Richards (1985, 1986), Moock và Rhoades (1992), tri thức văn hoá đã sản sinh và tái sinh ra sự hiểu biết lẫn nhau và đặc tính chung của các thành viên của một cộng đồng nông nghiệp, nơi các kỹ thuật địa phương, các kỹ năng và các năng lực được kết nối chặt chẽ với các kiến thức phi kỹ thuật (chẳng hạn như các nhân tố văn hoá, sinh thái học và xã hội học) (Scoones và Thompson. 1994: 18).

Một câu hỏi quan trọng được hội thảo IDS đặt ra là làm thế nào để giải quyết TTBĐ vốn dường như nhuốm vẻ thần thoại và mê tín dị đoan. Mặc dù các nhà khoa học có thể lưu tâm đến sự can thiệp của người nông dân, chẳng hạn như cái cuốc được thay đổi đã tiết kiệm sức lao động, nhưng họ có thể chế nhạo một ý kiến cho rằng mặt trăng ảnh hưởng đến sự thay đổi của cây cối hoặc sự phun có thể khuyến khích cây ra quả bởi vì những điều này hoàn toàn không có ý nghĩa đối với họ. Thậm chí những ý kiến như vậy còn tiếp sức cho các nhà khoa học gạt bỏ TTĐP - bị coi như là một thứ vô dụng (Hội thảo IDS. 1989: 36). Sở dĩ có điều đó vì họ thường chỉ dựa vào các kết quả nghiên cứu khoa học của nhân loại. Một điều đặc biệt khác nữa là họ nhìn nhận các ý tưởng của người dân với tư cách là một người ngoài cuộc hoàn toàn. Họ ít hoặc thậm chí không quan tâm đến đời sống tâm linh, các cách tính thời gian và phán đoán thời tiết (một khía cạnh của văn hoá dân tộc) của cư dân mà họ tiếp xúc hay nghiên cứu. Do đó, việc họ không thể chấp nhận các lý giải của người dân là điều đương nhiên. Tuy nhiên, cần thấy rằng, người dân vốn từ lâu đã sống trong cộng đồng của họ, trong những môi trường sống của họ. Để tồn tại, họ đã ứng dụng các kinh nghiệm mà họ tích luỹ được vào cuộc sống hàng ngày và sản xuất. Bên cạnh đó, niềm tin vào thần linh nhiều khi giúp họ vượt qua rất nhiều khó khăn trong cuộc sống. Điều này cũng dễ hiểu vì nền kinh tế của họ chủ yếu dựa vào nông nghiệp - vốn trước đây phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, và hiện nay cũng vẫn phụ thuộc rất nhiều vào nó. Do đó, các kinh nghiệm phán đoán thời tiết để tiến hành sản xuất được sử dụng khá phổ biến ở nhiều dân tộc có truyền thống nông nghiệp từ lâu đời (Malinowski. 1935; Nông Trung. 1971; Lý Hành Sơn. 1999...). Bên cạnh đó, hệ tư tưởng và tín ngưỡng cũng góp phần cấu thành nên và tác động đến các đặc tính của TTTT của người dân (Ahmed. 1994: 13). Điều này trùng hợp với nhận định của Rouse khi ông bàn đến một trong các đặc tính của TTTT rằng nó không nhất thiết vận hành theo vũ trụ luận của khoa học phương Tây (Rouse. 1999).

Đối lập với các ý tưởng mang tính chế nhạo hệ thống tri thức của người dân, Nguyễn Văn Trường (1994) cho rằng sự chỉ trích và gièm pha các TTĐP đã bộc lộ sự thiếu hiểu biết về nền tảng khoa học, kinh tế - xã hội và sinh thái của một cách sống, và sự nông cạn cả về tinh thần lẫn trí tuệ. Tác giả Hoàng Xuân Tý thì cho rằng, về bản chất, "không có kiến thức nào tồi". Vấn đề là làm thế nào để sử dụng nó cho phù hợp. Kiến thức bản địa không mâu thuẫn với kiến thức hiện đại mà chúng bổ sung cho nhau nhằm đạt đến một sự bền vững tốt đẹp hơn thay vì áp dụng một cách máy móc tất cả những gì từ bên ngoài vào (Hoàng Xuân Tý. 1998: 33). Tương tự như vậy, việc sử dụng TTTT cũng có mối quan hệ với các thuyết quản lý hiện đại đang cố gắng khuyến khích tính mềm dẻo và linh động. Các nguyên tắc quản lý hiện đại, như với các thực hành nông nghiệp địa phương, đã kết hợp vai trò của các chuyên gia và người dân sở tại (Marsden. 1994: 56).

Dựa trên những phân tích về sự khác nhau giữa tri thức "địa phương", "truyền thống", và "bản địa", tôi thể hiện sự tác động qua lại của ba hệ thống tri thức này và mối quan hệ của chúng với tri thức hiện đại bằng một hình vẽ dưới đây. Tuy nhiên, tuỳ từng cộng đồng dân cư nông thôn mà mức độ ảnh hưởng của các hệ thống này có thể rõ ràng, mạnh mẽ và đáng chú ý hay không.

Hệ thống tri thức

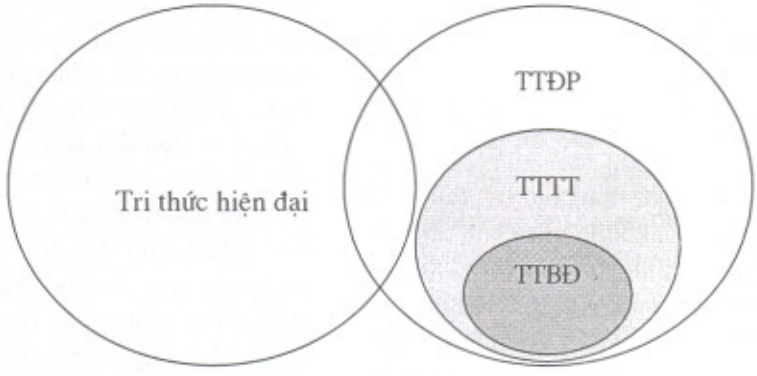

Tóm lại, TTĐP được hiểu là các kiến thức, bao gồm cả TTBĐ và TTTT, đã được cư dân sống tại một địa bàn cụ thể tích luỹ, chọn lọc và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, và chịu sự tác động của kiến thức mới hay hiện đại. Để thích ứng với môi trường chuyển đổi, cả về mặt tự nhiên, kinh tế - xã hội, và chính trị, người dân đã tích luỹ những kiến thức vốn có từ lâu đời kết hợp với việc áp dụng các kiến thức hiện đại vào cuộc sống thường ngày của họ. Dần dần, thông qua sự kết hợp này, các kiến thức mới cũng được người dân địa phương hoá cho phù hợp với điều kiện môi trường sống của họ và trở thành các kinh nghiệm của họ. Do đó, tri thức của người dân nông thôn luôn ở trạng thái động, thay đổi thông qua sự sáng tạo và đổi mới của người dân địa phương cũng như trong mối liên hệ với các hệ thống tri thức khác. Như là một minh chứng đầy tính thuyết phục về đặc tính "động" của TTĐP, các cư dân của nhiều vùng cao đã thay đổi phần nào cách nghĩ và hành động của họ nhằm đạt đến một cuộc sống tốt đẹp hơn.

2. Tri thức địa phương và cư dân địa phương

Trên nguyên tắc, Mugabe gợi ý tri thức của người dân có thể thay đổi đặc tính của nó khi nhu cầu của họ thay đổi. Vì vậy, khó có thể tách TTĐP ra khỏi cư dân địa phương (Mugabe. 1998: 5). Ý kiến tương tự cũng được đề cập đến trong một cuốn sách do Trần Quốc Vượng làm chủ biên cùng các đồng sự của ông khi họ bàn về vai trò của con người trong sự sáng tạo ra văn hoá. Theo họ, con người vừa là chủ thể, vừa là khách thể của văn hoá (Trần Quốc Vượng (chủ biên). 2000: 9).

Mối quan hệ giữa tri thức và người dân cũng được phản ánh trong các khái niệm về hệ thống tri thức, kể cả "bản địa", "truyền thống", lẫn "địa phương". Do đó, nói đến TTBĐ cũng đồng thời nói đến người dân bản địa. Theo điều 1, khoản 2 của Công ước ILO 169, "cư dân ở các nước độc lập được coi là bản địa vì nguồn gốc của họ là từ các dân cư đã sống ở các nước đó, hay ở các

vùng địa lý mà nước đó trực thuộc, trong thời kỳ xâm chiếm và thuộc địa hoặc sự thiết lập các biên giới quốc gia hiện nay, những người, không kể thân phận hợp pháp nào của họ, vẫn duy trì một vài hoặc toàn bộ thể chế xã hội, kinh tế, văn hoá, và chính trị của chính họ" (Công ước ILO 169. 1989). Tương tự như vậy, nhắc đến tri thức "truyền thống" hay "địa phương" là liên đới chặt chẽ đến cư dân "truyền thống" hay "địa phương". Ở đây, cư dân địa phương ám chỉ, không quá phức tạp như khái niệm cư dân bản địa, những người đang sinh sống tại một địa bàn cụ thể nào đó.

Như vậy, các hệ thống tri thức có mối quan hệ chặt chẽ với người dân vì, cũng như văn hoá nói chung, bản thân kiến thức không thể tự nó sinh ra. Trái lại, nó luôn là sản phẩm trí tuệ của một dân tộc, một nhóm người hay một cá nhân nào đó. Đồng thời tìm hiểu về tri thức "bản địa", "truyền thống" hay "địa phương" cũng liên quan đến lịch sử di cư trước đây của người dân trong cộng đồng nghiên cứu.

3. Tri thức địa phương và bối cảnh

Con người tồn tại trong tự nhiên và do đó có mối quan hệ mật thiết với nó. Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, vì vậy, là khía cạnh căn bản của văn hoá. Đó là mối quan hệ đa chiều, thích ứng, không thích ứng, và có thể thay đổi (cả về mặt tự nhiên, xã hội và bản thân con người). Xu hướng chung của con người là thích ứng với môi trường tự nhiên sẵn có và chống chọi lại một cách tương thích các thách thức do chính họ tạo ra (Trần Quốc Vượng (chủ biên). 2000: 9-30). Mặc dù các điều kiện tự nhiên không quyết định quá trình phát triển của xã hội nhưng nó tác động đến việc lựa chọn những phương tiện lao động của người dân và tính độc đáo của những tập quán trong lao động (Khổng Diễn.1995: 6).

Bên cạnh đó, con người không chỉ sống cùng tự nhiên mà còn sống cùng với nhau. Do đó, xã hội của họ được thiết lập. Họ không thể sống tách rời khỏi xã hội đó. Trong cộng đồng của họ hay các xã hội thu nhỏ của họ, văn hoá, trong đó có tri thức, đã được sinh ra, duy trì và phát triển từ đời này, sang đời khác (Agrawal. 1995: 416; Rouse. 1999). Với tư cách là một đơn vị xã hội cơ bản, gia đình là môi trường văn hoá đầu tiên cho mỗi cá nhân tiếp thu nền văn hoá của cộng đồng (Trần Quốc Vượng (chủ biên). 2000: 36-41). Cùng chung quan niệm với Trần Quốc Vượng và các đồng sự của ông, Scoones và Thompson xác định vai trò vô cùng quan trọng của con người và xã hội của họ trong việc thấu hiểu, kiểm soát và sáng tạo văn hoá, kể cả TTĐP. Các tác giả cho rằng: "không có một kiến thức nào có thể tồn tại tách biệt với môi trường văn hoá, kinh tế hay chính trị...Kiến thức được xây dựng vừa mang tính xã hội, vừa mang tính chính trị; để nhận thức thấu đáo về nó thì cần có các phân tích phân biệt về mặt xã hội và sắc bén về mặt chính trị" (Scoones và Thompson. 1994: 25).

Mối quan hệ giữa TTĐP và bối cảnh xã hội - sinh thái của nó cũng được Juma (1987) chú trọng trong một nghiên cứu điểm về kiến thức của người nông dân ở Kenya. Theo ông, TTĐP về cây trồng và hạt giống của người dân có thể được hiểu tốt hơn nếu chúng ta biết rằng nó dựa trên một khoa học luận đặc biệt duy nhất của nền văn hoá của các cư dân này. Kiến thức và các thực hành của họ tiến triển cùng với thời gian như một sự thích nghi với hoàn cảnh, và những sức ép về môi trường, kinh tế - xã hội, và chính trị. Khoa học luận này cũng đã kết hợp với các niềm tin tôn giáo về các cây trồng và việc sử dụng chúng. Trong nhận thức này, tôn giáo cũng là một cách để tích luỹ các nguồn giá trị (Hội thảo IDS. 1989: 33). Ahmed (1994: 13) cũng có quan điểm tương tự khi ông xem xét các bối cảnh mà TTTT của người dân tồn tại và được tìm thấy.

Tóm lại, TTĐP và cư dân địa phương có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong khi đó, người dân cũng có mối quan hệ mật thiết và sâu sắc với môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và chính trị. Những môi trường này là không thể thiếu được đối với sự sáng tạo và phát triển văn hoá. Kết quả là, với tư cách là một khía cạnh của văn hoá, TTĐP nên được nhìn nhận như là một khối tổng thể nhằm diễn giải mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, con người và xã hội.

4. Phân loại tri thức địa phương

TTĐP gồm nhiều dạng kiến thức khác nhau. Cũng giống như TTTT, các loại TTĐP có thể được phân loại dựa trên các nhân tố kèm theo, các triển vọng và sự thực hành kiến thức, sở hữu

cá nhân hay tập thể, và tình trạng hợp pháp của nó. TTĐP bao gồm các thông tin của con người về thế giới, vũ trụ luận và đời sống tâm linh, kể cả việc áp dụng thuật phù phép (Geertz. 1975, 1983, 1993; Evans-Pritchard. 1993; Lý Hành Sơn. 2003), và về chủ nghĩa lưỡng tính (Edgertons). Các kiến thức này thường gắn liền với bối cảnh mà họ xuất hiện và tồn tại. Chẳng hạn như các thực hành phù phép liên quan đến sự chữa bệnh ma thuật hoặc các nghi lễ về thu thập và sử dụng cây thuốc. Các khía cạnh văn hoá và tôn giáo của thuật phù phép cũng được bàn đến trong nhiều ấn phẩm khác (Evans. 1993; Helman. 1990; và Brown cùng các đồng sự. 1997).

Ngô Đức Thịnh (1994) phân loại TTDG của các dân tộc thành bốn loại sau: (1) Tri thức về tự nhiên và môi trường; (2) Tri thức về loài người; (3) Truyền thống và sản xuất; và (4) Tri thức về quản lý cộng đồng và xã hội. Sự phân loại này chịu ảnh hưởng của các nhà khoa học Liên Xô cũ (Phạm Quang Hoan. 1999: 43). Theo một cách khác, Hoàng Xuân Tý cho rằng khái niệm về TTBĐ bao gồm rất nhiều lĩnh vực khác nhau liên quan đến nông lâm nghiệp, quản lý tài nguyên thiên nhiên và cộng đồng (1998: 11). Warren cho rằng mỗi xã hội có sự đa dạng các loại hệ thống kiến thức; một vài trong số đó liên quan đến môi trường tự nhiên và vật thể (chẳng hạn như cách phân loại đất), một số liên quan đến môi trường nhận thức và quan niệm, và số khác thì liên quan đến môi trường xã hội (như các hệ thống dòng họ) (Warren. 1989: 1). Trong một nghiên cứu khác, Warren sử dụng thuật ngữ tri thức kỹ thuật bản địa để giới hạn khía cạnh của TTBĐ. Theo ông, hệ tri thức này gồm các kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, quản lý rừng và các tài nguyên cộng đồng, dinh dưỡng và sức khoẻ con người, việc quản lý cộng đồng và việc truyền kinh nghiệm cho thế hệ trẻ (trích dẫn theo Hoàng Xuân Tý. 1998: 12-14). Phạm Quang Hoan chỉ ra rằng có các cấp độ khác nhau của TTĐP. Theo ông, "TTĐP" (hay "TTBĐ" hoặc "tri thức tộc người") liên quan đến tất cả các kiến thức, các kinh nghiệm mà một nhóm dân tộc đã tích luỹ, lựa chọn và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những kiến thức như vậy đã phản ánh các khía cạnh khác nhau của đời sống cộng đồng và làm cho mỗi dân tộc có thể tồn tại, phát triển và thích ứng với người thay đổi trong quá khứ và hiện tại. Mặt khác, TTĐP còn là một kiểu phản hồi, ứng xử và khả năng thích nghi của một dân tộc đối với môi trường sinh thái và con người..." (Phạm Quang Hoan. 1999: 43).

Ngoài các lĩnh vực trên, tri thức về việc sử dụng cây cối như cây thuốc (Correa. 2001; Nông Trung. 1971; Trần Hồng Hạnh. 1996, 2000a, 2000b, 2002; Lý Hành Sơn. 1999...), hoặc như việc bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nông lâm nghiệp bền vững (Watson và Eyzaguirre (chủ biên). 2002; Bunning và Hill. 1996; Tajahjadi. 1998; Warren. 1992; Sobey (chủ biên). 1997; FAO. 1998a, 2003b; Rusgiarto. 2002) cũng được đặc biệt quan tâm.

Ở những nước đang phát triển, các thực hành nông nghiệp của người dân nông thôn và các kiến thức liên quan đến vấn đề này rất phong phú và đa dạng. Những kiến thức này được đề cập khá phổ biến trong các nghiên cứu về nạn đói, sự nghèo nàn và phát triển (Chambers, Pacey, và Thrupp (chủ biên) 1989; Scoonse và Thompson (chủ biên). 1994; Akhter. 2001; FAO. 1990, 2000a; Garforth. 2001; Polestico, Quizon, và Hildemann. 1998; Trần Bình. 2001). Một khía cạnh khác của TTĐP về các thực hành nông nghiệp là sự phân loại và sử dụng đất. Để thảo luận về sự đổi mới và TTĐP của các nông dân ở các nước thuộc thế giới thứ ba, nhiều bình luận của các nhà khoa học về TTĐP đều liên quan đến các hệ thống phân loại cây trồng và đất đai của người nông dân. Cư dân địa phương sử dụng nhiều sự phân loại trong các phần khác nhau của thế giới để mô tả các loại đất, phong cảnh, cây trồng, các loài thực vật hoang và các nguồn tài nguyên khác. Cách phân loại và đặt tên của người dân thường khác cách mà các nhà khoa học thực hiện (Hội thảo IDS. 1989: 31; Bùi Minh Đạo. 1999; Trần Bình. 2001).

Nhìn chung, TTĐP liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau của cuộc sống con người, từ quá trình sản xuất nông nghiệp, các kỹ thuật, đến đời sống tâm linh và nghệ thuật của các cư dân địa phương. TTĐP có thể được sở hữu bởi một cá nhân, hoặc một vài thành viên hay tất cả các thành viên của một nhóm người (kiến thức thông

thường hay kiến thức phổ biến) (Correa. 2001: 4). Điều này cũng tương tự như ba lĩnh vực chồng chéo của chăm sóc sức khoẻ: đại chúng, dân gian, và chuyên nghiệp mà Kleinman đề xuất (1980). Tương quan với ba lĩnh vực này, có ba loại kiến thức: đại chúng, dân gian và chuyên nghiệp (xem: Helman. 1990: 55).

Theo quan điểm của tôi, chúng ta không nên quá đề cao hay đánh giá thấp bất kỳ hệ tri thức nào, hiện đại hay địa phương, bởi vì mỗi hệ thống đều có những ưu điểm và nhược điểm của nó. Chúng ta nên đánh giá một cách khách quan các đặc tính của nó, cả mặt tích cực lẫn tiêu cực. Các nỗ lực hiện đại hoá TTĐP có thể hạ thấp giá trị của nó. Tuy nhiên, cũng cần thiết phải nhìn nhận những hạn chế của TTĐP nhằm giúp tạo ra quan điểm cân bằng về hệ tri thức này, sự đổi mới của người dân địa phương và những triển vọng của họ. Bên cạnh đó, với tư cách là một phần của các hệ thống văn hoá, không có một tri thức nào là nghiễm nhiên cao hơn một tri thức khác bởi vì không có một nền văn hoá nào đương nhiên cao hơn một nền văn hoá khác. Bên cạnh đó, các kiến thức của người dân phản ánh khả năng thích ứng cao với điều kiện môi trường tự nhiên cũng như phù hợp với tập quán và xã hội của họ. Việc kết hợp các kiến thức địa phương với các kiến thức kỹ thuật hiện đại là một giải pháp tốt, cần thiết và thích đáng để đưa lại tính hiệu quả cao cho các dự án phát triển ở vùng nông thôn và miền núi.

Tài liệu tham khảo

Agrawal, Arun. 1995, *Dismantling the Divide Between Indigenous and Scientific Knowledge*, Development and Change, Volume 26, No. 3: 413-439.

Ahmed, M.M. 1994, *Indigenous Knowledge for Sustainable Development in the Sudan*, Khartoum: Khartoum University Press.

Akhter, Farida. 2001, *Resisting "Technology" and Defending Subsistence in Bangladesh: Nayakrishi Andolon and the Movement for a Happy Life*, trong: *There is an alternative: subsistence and worldwide resistance to corporate globalization*, do Veronika Bennholdt-Thomsen, Nicholas Faraclas, và Claudia von Werlhof chủ biên, North Melbourne, Victoria: Spinifex Press.

Ambler, John. 1996, *Experiences for study of mountain development: Some general characteristics from Asia*, in the *workshop on appropriate use for sustainable mountain management in Vietnam*, do Lê Trọng Cúc, Đào Trọng Hùng, Trần Đức Viên làm chủ biên, Hà Nội: CRES và HUAF, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Brown, Peter; Timajchy, Kendra Hatfield; và Hu, Jun. 1997, *"Medical anthropology"*, trong: *Blackwell Dictionary of Anthropology*, do Thomas J. Barfield chủ biên, Oxford: Basil Blackwell: 316-318.

Brush, Stephen B. 1996, *Valuing local knowledge: indigenous people and intellectual property rights*, Washington D.C.: Island Press.

Bùi Minh Đạo. 1999, *Trồng trọt truyền thống của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Bunning, Sally và Hill, Catherine. 1996, *Farmers' Rights in the Conservation and Use of Plant Genetic Resources: A Gender perspective*. FAO, Rome.

Chambers, Robert; Pacey, Arnold; và Thrupp, Lori Ann (chủ biên) 1989, *Introduction*, trong: *Farmer first: Farmer innovation and agricultural research*, Intermediate Technology Publications: xvii-xx.

Công ước ILO 169, *Indigenous and Tribal Peoples Convention*, 5/9/1989.

Correa, Carlos M. (2001), *Traditional Knowledge and Intellectual Property. Issues and options surrounding the protection of traditional knowledge*. Quaker United Nations Office Geneva. [http://hostings.diplomacy.edu/quaker/new/doc/tkcol3.pdf 18.07.2003].

Elwert, Georg và Séhouéto, Lazare. 1999, *Local Knowledge and the Improvement of Food Production - A Case Study in Bénin*, trong: Uwe Kracht và Manfred Schulz (chủ biên), *Food Security and Nutrition: The Global Challenge*. Muenster: LIT VERLAG: 237-251.

Evans, Grant (chủ biên). 1993, *Asia's Cultural Mosaic - An Anthropological Introduction*, Singapore: Prentice Hall.

FAO. 1990, *Women in Agricultural Development, Gender Issues in Rural Food Security in Developing Countries*. Rome.

FAO. 1998, *Sustaining agricultural biodiversity and agro-ecosystem functions*. Báo cáo trình bày tại Hội thảo Công nghệ Quốc tế do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hiệp Quốc và Ban thư ký Bảo tồn Đa dạng Sinh học đồng tổ chức với sự tài trợ

của chính phủ Hà Lan, 2-4/12/1998. Trụ sở chính của FAO, Rome, Italy.

FAO. 2000, *Conflicts, agriculture and food security*. [http://www.fao.org/docrep/x4400e/x4400e07.htn 12.04.2003].

FAO. 2003, *LinKS Project - Gender, biodiversity and local knowledge systems for food security*.

Garforth, Chris. 2001, *Agricultural knowledge and information systems in Hagaz, Eritrea*. FAO.

Geertz, Clifford. 1975, *Common Sense as a Cultural System*. Antioch Review, 33: 47-53.

Geertz, Clifford. 1993a, *Local knowledge: Further essays in interpretive anthropology*. FontanaPress - An Imprint of HarperCollins Publisher.

Geertz, Clifford. 1993b, *"Local Knowledge" and Its Limits: Some Obiter Dicta*. The Yale Journal of Criticism, 5: 129-135.

Helman, Cecil G. 1990, *Culture, Health and Illness: An Introduction for Health Professionals*. Tái bản lần thứ hai. Nhà xuất bản Wight.

Hoàng Xuân Tý. 1998, *Phần I: Các khái niệm và vai trò của kiến thức bản địa*, trong sách: Trung tâm nghiên cứu sinh thái và môi trường rừng (1998), *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp: 11-52.

H□i th□o IDS. 1989, *Farmers's knowledge, innovation, and relation to science*, trong: Robert Chambers, Arnold Pacey, và Lori Ann Thrupp (chủ biên), *Farmer First: Farmer Innovation and Agricultural Research*. Intermediate technology Publications: 31-38.

Jamieson, Neil L.; Lê Trọng Cúc, và Rambo, Terry. 1998, *The Development Crisis in Vietnam's Mountains*. Honolulu: East-West Center, Special Reports, No. 6.

Keyes, Charles F. 1999, *Approach To The Study Of Indigenous Knowledge System: Some Preliminary Thoughts*, Báo cáo trình bày tại hội thảo đào tạo giữa Việt Nam và Thái Lan về phương pháp nghiên cứu nhân học được tổ chức tại trường đại học Khoa học Xã hội Chiang Mai, Thái Lan.

Khổng Diễn. 1995, *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Kleiman, Arthur. 1980, *Patients and healers in the Context of Culture: An Exploration of the Borderland between Anthropology, Medicine, and Psychiatry*. California University Press.

Lê Trọng Cúc. 1996, *The role of local knowledge to sustainable highlands development*, in: *Agriculture on sloping lands: challenges and potential*, do Trần Đức Viên và Phạm Chí Thanh làm chủ biên. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Laungaramsri, Pinkaew. 2001, *Karen Ecological Knowledge and the Challenge to the Modern Conservation Paradigm*, Chennai: Earthworm Books.

Lévi-Strauss, Claude. 1979, *Myth and Meaning*, New York: Schocken Books.

Lý Hành Sơn. 1999, *Chương VIII: Tri thức dân gian*, trong: Phạm Quang Hoan và Hùng Đình Quý (chủ biên), *Văn hoá truyền thống người Dao ở Hà Giang*, Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc.

Lý Hành Sơn. 2003, *Các nghi lễ chủ yếu trong chu kỳ đời người của nhóm Dao Tiền ở Ba Bể, Bắc Kạn*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Malinowski, Bronislaw. 1935, *Coral Gardens and Their Magic - A Study of the Methods of Tilling the Soil and of Agricultural Rites in the Trobriand Islands*, London: George Allen and Unwin Ltd. Ruskin House, England.

Marsden, David. 1994, *Indigenous management and the management of indigenous knowledge*, trong: *Beyond Farmer First: Rural People's Knowledge, Agricultural research and extension practice*, do Ian Scoones và John Thompson chủ biên với lời tựa của Robert Chambers. Intermediate Technology Publications: 52-57.

Mugabe, John. 1998, *Intellectual Property Protection and Traditional Knowledge: An Exploitation in International Policy Discourse*. Báo cáo trình bày tại Hội thảo do tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) tổ chức, Geneva, Switzerland. [http://www.acts.or.ke/paper%20-%20intellectual%20property.htm 18.07.2003].

Nông Trung. 1971, *Chương bảy: Văn hoá nghệ thuật và tri thức dân gian*, trong: Bế Viết Đẳng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung và Nguyễn Nam Tiến, *Người Dao ở Việt Nam*, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội: 294-327.

Ngô Đức Thịnh. 1995, *Folk knowledge and development*, Hà Nội: Bài giảng tại khoá đào tạo được tổ chức tại CRES.

Nguyễn Văn Trường. 1994, *An approach to concept of mountain development of natural*

resources in Vietnam at commune and village levels, Báo cáo hội thảo tại Hà Nội, 14-16/10, 1994.

Phạm Quang Hoan. 1999, *Local knowledge on natural resource management of ethnic minorities in Vietnam*, Hà Nội: Vietnam Social Sciences, số 3: 41-57.

Polestico, Rachel V.; Quizon, Antonio B. và Hildemann, Peter. 1998, *Agrarian Reform in the Philippines: Status and perspectives for 1998 and beyond*. German Agro Action, Adenaueralle 134, 53113 Bonn, Đức và Viện Tái thiết Nông thôn Quốc tế, Y.C. James Yen Center, Silang, Cavite, Philippines.

Poltanee, Anan. 1992, *Framer as Scientist: Bringing Farmer Knowledge for Researchers*. In J. Mc. Kinninged, Maginalization in Thailand.

Richards, Paul. 1985, *Indigenous Agricultural Revolution: ecology and food production in West Africa*, London: Hutchinson, Great Britain.

Rouse, Jonathan. 1999, *Global Dissemination of Indigenous Knowledge - Contradiction, or the Way Forward?*, trên trang Homepage: http://www.worldbank.org/afr/ik/global_1k99061.htm

Rusgiarto, Sascha. 2002, *„Biopiraterie" versus traditionelles Wissen - Ist ein Interessenausgleich zwischen transnationalen Unternehmen und Entwicklungslaendern moeglich?*. Luận văn thạc sĩ. Cũng có thể tìm thấy trên trang Homepage: [http://www.dipl-rus.de.vu]

Scoones, Ian và Thompson, John. 1994, *Knowledge, power and agriculture - towards a theoretical understanding*, trong: *Beyond Farmer First: Rural peoples knowledge, agricultural research and extension practice*, do Ian Scoones và John Thompson chủ biên với lời tựa của Robert Chambers. Intermediate Technology Publications: 16-32

Sobey, R.T. (chủ biên). 1997, *Biodiversity Value of Hoang Lien Mountains and Strategies for Conservation*, Kỷ yếu Tạo đàm và Hội thảo, 7-9/2/1997, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam; SEE Chương trình nghiên cứu rừng, London (ISBN 1873070 13 6).

Tajahjadi, Riza V. 1998, *Indonesia: Situation for Assessing Sui generis Options*. Báo cáo quốc gia. Jakarta: PAN Indonesia.

Trần Bình. 2001, *Tập quán hoạt động kinh tế của một số dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam*, Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc.

Trần Hồng Hạnh. 1996, *Nghề thuốc cổ truyền ở làng Nghĩa Trai (tỉnh Hải Hưng)*, Luận văn tốt nghiệp đại học, chuyên nghành Dân tộc học.

Trần Hồng Hạnh. 2000a, *The Prevention and Cure of Disease among the Dao Quan Chet (In some hamlets in Da Bac district, Hoa Binh province, Vietnam)*, Vietnam Social Sciences, số 6 (80): 52-74.

Trần Hồng Hạnh. 2000b, *Y học cổ truyền của người Dao Quần Chẹt ở xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình*, Luận văn Thạc sĩ, chuyên ngành Dân tộc học.

Trần Hồng Hạnh. 2002, *Tri thức địa phương trong sử dụng thuốc nam của người Dao Đỏ (qua nghiên cứu ở xã Tả Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai)*, Tạp chí Dân tộc học số 5: 23-30.

Trần Quốc Vượng (chủ biên), Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung và Trần Thuý Anh. 2000, *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Tái bản lần thứ hai, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

Warren, Dennis Michael. 1989, *Introduction*, trong: Richards, Paul; Slikkerveer, L. Jan; and Philips, Adedotun O. (1989), *Indigenous Knowledge Systems for Agriculture and Rural Development: The CIKARD Inaugural Lectures*, Studies in Technology and Social Change, No. 13; Iowa State University Research Fundation: 1-3.

Warren, Dennis Michael. 1992, *Indigenous knowledge, biodiversity conservation and development*. Bài phát biểu chính tại Hội thảo Quốc tế về Bảo tồn đa dạng sinh thái ở Châu Phi: Các thế chủ động của địa phương và vai trò của các tổ chức. Nairobi, 30/8 - 3/9/1992.

Warren, Dennis Michael. 1995, *The cultural dimensions of development, indigenous development system*, Leiden.

Watson, J.W. và Eyzaguirre, P.B. (chủ biên). 2002, *Home garden and in situ conservation of plant genetic resources in farming systems*, Kỷ yếu hội thảo Vườn nhà Quốc tế lần thứ hai, 17-19/7/ 2001, Witzhausen, Cộng hoà liên bang Đức, Viện Nguồn gen Thực vật Quốc tế (IPGRI), Rome.

WIPO /GRTFK/3/9. 2002, *Traditional Knowedge - Operational Terms and Definitions*, 20 May 2002.

WIPO. 2000, *Fact-finding Missions on Intellectual Property and Traditional Knowledge (1998-1999)*. Bản thảo đưa ra để bình luận, 3/7/2000.